TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2018
"V/v: *Không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Đoàn Minh Hương.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Ất;
Ông Nguyễn Trọng Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1977.
Địa chỉ: Tổ 2, phường T, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.
- *Bị đơn:* Anh Phan Văn P, sinh năm 1962.
Địa chỉ: Tổ 2, phường T, thị xã G, tỉnh Đắk Nông

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Hiện tại chị L và anh P không sống chung với nhau. Chị L xét thấy tình cảm không còn, nên yêu cầu Tòa án không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn P là vợ chồng.

Về con chung: Chị L và anh P có 02 con chung là Phan Phước T, sinh ngày 06/3/2002 và Nguyễn Lan N, sinh ngày 03/9/2015. Chị L yêu cầu giao con chung là

Phan Phước T cho anh P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lan N đến khi cháu N đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Văn P trình bày:

Anh P đồng ý với lời khai của chị L về thời gian chung sống, tình trạng hôn nhân. Anh P yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng và đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Phước T, sinh ngày 06/3/2002 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, giao con chung là Nguyễn Lan N, sinh ngày 03/9/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, đồng ý với ý kiến của chị L về án phí.

Nguyện vọng của cháu Phan Phước T, sinh ngày 06/3/2002 là được ở với bố là Phan Văn P, khi Tòa án giải quyết không công nhận bố Phan Văn P và mẹ Nguyễn Thị L là vợ chồng.

Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn P đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; Điều 15, các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn P là vợ chồng; về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Phan Phước T, sinh ngày 06/3/2002 cho anh Phước được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung là Nguyễn Lan N, sinh ngày 03/9/2015 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] ***Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp***: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn P nên quan hệ pháp luật giải quyết vụ án là "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*". Bị đơn anh Phan Văn P đang thường trú tại tổ 2, phường T, thị xã G, tỉnh Đắk Nông, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L và anh P đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh P.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 và có 02 người con chung. Quá trình sống chung anh, chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, mặc dù có đầy đủ điều kiện kết hôn, mặt khác Nhà nước có chính sách khuyến khích đăng ký kết hôn, nhưng chị L và anh P vẫn không chấp hành là vi phạm khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1…Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".

Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tình cảm giữa anh chị không còn, hiện tại anh P và chị L không chung sống với nhau. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn P. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị L và anh P thực sự không còn. Như vậy, yêu cầu của chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn P có 02 con chung là Phan Phước T, sinh ngày 06/3/2002 và Nguyễn Lan N, sinh ngày 03/9/2015. Chị L và anh P đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung: Giao con chung là Phan Phước T cho anh P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giao con chung là Nguyễn Lan N cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Phan Phước T nên cần chấp nhận.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn P thỏa thuận không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên cần chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn P là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Phan Phước T, sinh ngày 06/3/2002 cho anh Phan Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 (*mười tám*) tuổi, giao cháu Nguyễn Lan N, sinh ngày 03/9/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu N đủ 18 (*mười tám*) tuổi.

Chị L, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phan Văn P và chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được quy định tại Điều 107, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), chị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình được khấu trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004050 ngày 31/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục THA.DS thị xã G;
- UBND phường T,thị xã Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đoàn Minh Hương